

**ỨNG DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC
HỌC PHẦN TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG CHO SINH VIÊN
CÁC KHOA KHÔNG CHUYÊN
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NGUYỄN THỊ DIỄM MY*, LÝ MINH TIÊN**

TÓM TẮT

Bài báo đề cập cách trình diễn nội dung bài học của học phần Tâm lý học đại cương (TLHĐC) bằng một công cụ mới là bản đồ tư duy (BĐTD). Những bản đồ này được thiết kế bằng phần mềm chuyên dụng (phần mềm I-mind map) với mục đích nâng cao khả năng nhận thức bài học cho sinh viên (SV) các khoa không chuyên ngành Tâm lý học. Kết quả bước đầu ứng dụng các BĐTD vào dạy học khá khả quan. Khả năng nhận thức bài học của SV tăng lên đáng kể.

Từ khóa: bản đồ tư duy, ứng dụng, Tâm lý học đại cương, ứng dụng bản đồ tư duy vào dạy học học phần Tâm lý học đại cương.

ABSTRACT

The application of Mind map in teaching General Psychology to non-major students at Ho Chi Minh City University of Education

The article discusses the presentation of contents of General Psychology using Mind maps. These mind maps were designed using I-mind map in hope of increasing non-major students' understanding of lessons. Initial results were quite positive as students demonstrated increased understanding of lessons.

Keywords: mind map, application, General Psychology, Mind map application in teaching General psychology.

1. Đặt vấn đề

Từ trước đến nay, người học đã quen với việc truyền thụ thông tin bằng các kí tự, đường thẳng, con số hay khoa học hơn là cách gạch đầu dòng, tóm ý. Với cách truyền thụ này, con người vẫn đang chỉ sử dụng 50% khả năng của bộ não khi ghi nhận thông tin. Để có thể sử dụng tối đa khả năng của bộ não, Tony Buzan đã đưa ra BĐTD (Mindmap) để giúp mọi người thực hiện được mục tiêu này. [6]

Học phần TLHĐC là một học phần bắt buộc đối với SV các trường sư phạm. Đây là một học phần nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về con người – đối tượng giảng dạy cho SV sau khi ra trường. [7]

Mặc dù giảng viên bộ môn này cũng đã có sự đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động người học, nhiều biện pháp được thực hiện nhằm nâng cao khả năng nhận thức bài học của SV song hiệu quả chưa cao.

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: diemmytugd@gmail.com

** ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Vậy làm thế nào để tăng cường khả năng nhận thức bài học cho SV? Việc sử dụng BĐTD trong dạy học học phần này là một giải pháp có thể được áp dụng. Nhận thức được những công dụng của BĐTD và nhằm giúp SV một số khoa không chuyên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) có thể dễ dàng hơn trong việc nhận thức bài học học phần TLHĐC, nghiên cứu: “Ứng dụng BĐTD trong dạy học học phần Tâm lý học đại cương cho SV một số khoa

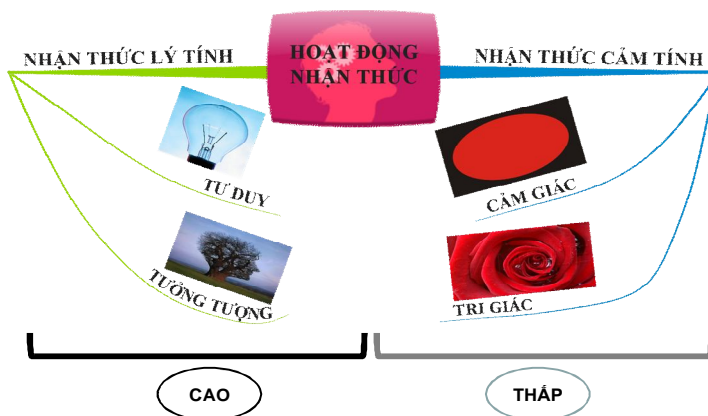
không chuyên Trường ĐHSPTPHCM” đã được xác lập và thực hiện.

2. Kết quả nghiên cứu

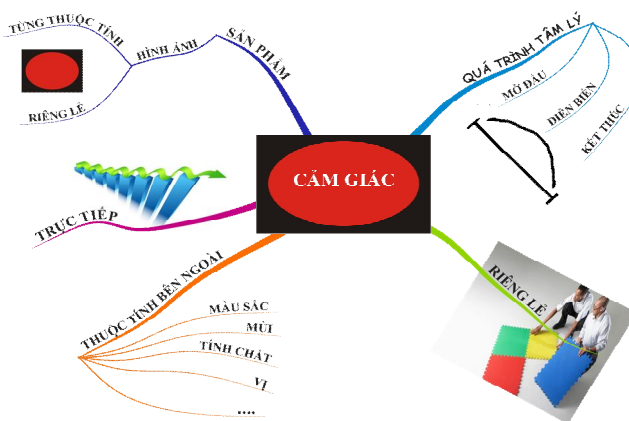
2.1. Thiết kế và sử dụng Bản đồ tư duy

2.1.1. Thiết kế Bản đồ tư duy

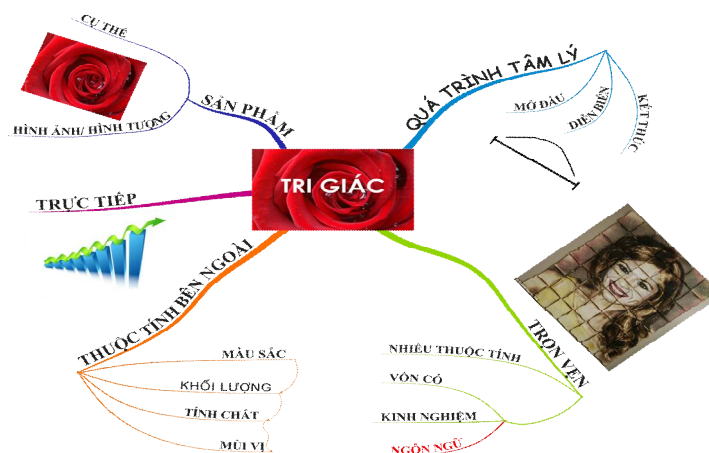
Đây là một số BĐTD mẫu được thiết kế dựa vào việc nghiên cứu các lý thuyết về BĐTD, ứng dụng phần mềm Imind-map (phần mềm dùng để vẽ BĐTD), kiến thức về các nội dung trong học phần Tâm lý học đại cương (xem hình 1, 2 và 3).



Hình 1. Giới thiệu về Hoạt động nhận thức



Hình 2. Khái niệm Cảm giác



Hình 3. Khái niệm Tri giác

2.1.2. Sử dụng Bản đồ tư duy

BĐTD được đưa vào sử dụng trong đề tài với cách tiếp cận như sau: “BĐTD là một hình thức trình diễn nội dung của bài học, được tạo ra từ kỹ thuật hình họa với sự kết hợp giữa từ ngữ, hình ảnh, đường nét, màu sắc phù hợp với cấu trúc, hoạt động và chức năng của bộ não. Từ hình thức trình diễn này, tổng thể của vấn đề được chỉ ra dưới dạng một hình, trong đó các đối tượng liên kết với nhau bằng các đường nối. Với cách thức đó, nội dung của bài học được học viên nhớ, hiểu và vận dụng một cách dễ dàng”. Như vậy, với cách tiếp cận này, BĐTD được sử dụng như một hình thức trình diễn nội dung bài học dùng kết hợp với các phương pháp dạy học chứ không phải là một phương pháp dạy học.

Ưu điểm của BĐTD được thiết kế bằng phần mềm Imind-map là khi đưa vào sử dụng, các nhánh của BĐTD có thể lần lượt xuất hiện chứ không phải là cùng xuất hiện. Hơn nữa, giảng viên có thể dễ dàng thay đổi các trình tự xuất hiện ở từng nhánh và liên kết được từng nhánh

với các nội dung khác theo đúng ý đồ của giảng viên.

2.2. Thực nghiệm việc đưa Bản đồ tư duy vào dạy học

2.2.1. Mô tả các Test đánh giá

Công cụ đánh giá gồm 5 bài Test, mỗi bài có 20 câu bao gồm 3 dạng câu hỏi: 4 lựa chọn, đúng sai và điền khuyết. Các câu hỏi trong các bài Test này được soạn thảo trên cơ sở 3 mức đầu trong 6 mức độ nhận thức theo cách chia của Benjamin S. Bloom (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá) [5]; trong đó, Test 20 câu bài *Ý thức dùng để đánh giá khả năng nhận thức bài học* của từng cặp thực nghiệm đối chứng trước khi có tác động của BĐTD, 4 Test còn lại dùng để đánh giá tương ứng với các nội dung bài *Cảm giác - Tri giác, Tư duy, Tưởng tượng, Trí nhớ*.

2.2.2. So sánh trung bình từng cặp thực nghiệm - đối chứng về khả năng nhận thức bài học trước và sau khi có sự tác động của BĐTD

a. So sánh khả năng nhận thức bài học của từng cặp thực nghiệm - đối chứng khi chưa có sự tác động của BĐTD (xem bảng 1)

Bảng 1. Kết quả so sánh khả năng nhận thức bài học của từng cặp thực nghiệm - đối chứng khi chưa có sự tác động của BĐTD

Khối	Lớp	N	Mean	Median	Mode	SD	Range	Min	Max	Sig.
Tự nhiên	Toán 1A	39	14.03	14	15	2.311	8	9	17	0.279 df=77
	Lí 1B	40	14.00	14	15	2.136	10	9	19	
Xã hội	Địa 1B	46	15.15	16	16	2.299	10	9	19	0.321 df=106
	Sử 1A	62	14.65	15	17	2.753	13	7	20	

Kết quả T-test với các xác suất Sig = 0.279 ở khối tự nhiên và Sig = 0.321 ở khối Xã hội cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa giữa hai nhóm thực nghiệm và đối chứng ở từng cặp trước khi tiến hành tác động của BĐTD. Dựa theo cách cho điểm của bài Test 20 câu (1 câu đúng = 1 điểm) thì điểm số thấp nhất là 0 và điểm số cao nhất là 20. Bảng 1 cho thấy khả năng nhận thức bài học ở 2 lớp khối Tự nhiên tương đối giống nhau, trung bình ở lớp Toán và lớp Lí gần như bằng nhau (14.03 và 14), các số yếu vị và trung vị cũng trùng nhau. Ở khối xã hội, lớp thực nghiệm (Địa) mặc dù điểm số tập trung gần trung bình hơn nhưng các yếu vị và trung vị của hai lớp này cũng rất gần nhau.

b. So sánh khả năng nhận thức các bài học của từng cặp thực nghiệm - đối chứng khi có sự tác động của BĐTD (xem bảng 2)

Bảng 2. Kết quả so sánh khả năng nhận thức bài học của từng cặp thực nghiệm - đối chứng khi có sự tác động của BĐTD

Tên bài	Khối	Lớp	N	Mean	SD	Sig.
Cảm giác - Tri giác	Tự nhiên	Toán 1A	38	15.76	1.895	0.044 df=78
		Lí 1B	42	13.90	2.602	
	Xã hội	Địa 1B	43	15.86	2.17	0.036 df=86
		Sử 1A	45	13.40	2.734	
Tư duy	Tự nhiên	Toán 1A	37	16.22	2.083	0.002 df=78
		Lí 1B	43	13.35	2.991	
	Xã hội	Địa 1B	45	15.13	1.753	0.025 df=107
		Sử 1A	64	11.53	2.618	
Tưởng tượng	Tự nhiên	Toán 1A	41	16.39	2.719	0.041 df=82
		Lí 1B	43	14.84	2.046	
	Xã hội	Địa 1B	48	15.83	1.790	0.042 df=105
		Sử 1A	59	13.92	2.541	
Trí nhớ	Tự nhiên	Toán 1A	41	17.27	1.397	0.046 df=81
		Lí 1B	42	15.19	1.916	
	Xã hội	Địa 1B	47	17.53	1.886	0.034 df=104
		Sử 1A	59	15.20	2.398	

Dựa vào bảng kết quả tổng hợp của các lần thực nghiệm, ta thấy tất cả các kết quả T- test đều có sự khác biệt ý nghĩa giữa các cặp thực nghiệm - đối chứng. Ở khối Tự nhiên, trung bình điểm số của lớp Toán 1A (lớp thực nghiệm) luôn cao hơn ở lớp Lí 1B (lớp đối chứng). Ngoài ra, các điểm số ở lớp Toán 1A hầu hết cũng phân bố gần trung bình hơn. Ở khối Xã hội, kết quả cũng tương tự, trung bình điểm số của lớp Địa 1B (lớp thực nghiệm) cũng luôn luôn cao hơn ở lớp Sử 1A (lớp đối chứng). Ngoài ra, ở tất cả các lần thực nghiệm thì điểm số ở lớp Địa 1B đều phân bố gần trung bình hơn.

Mặt khác, khi phân chia các điểm số thành 5 mức: Kém (0-5), yếu (6-9), trung bình (10-12), khá (13-17), giỏi (18-20) thì trong tất cả các lần thực nghiệm, ở lớp Toán 1A và lớp Địa 1B, tỉ lệ SV ở mức khá, giỏi luôn cao hơn lớp đối chứng. Ở 2 lớp này hầu như không có SV bị xếp loại yếu, kém.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Với các BĐTD đã thiết kế và đưa vào sử dụng, khả năng nhận thức một số nội dung trọng tâm trong học phần TLHDC của SV ở lớp thực nghiệm cao hơn hoàn toàn so với lớp đối chứng. Xét riêng về khả năng nhận thức bài học ở lớp thực nghiệm, tỉ lệ phần trăm SV được xếp loại khá giỏi tương đối cao, tỉ lệ SV xếp loại yếu kém hầu như không có. Đây thật sự là một kết quả đáng mừng cho việc ứng dụng một cách trình diễn nội dung mới vào dạy học.

3.2. Kiến nghị

Qua quá trình thiết kế BĐTD bằng phần mềm Imind-map, chúng tôi nhận thấy đây là phần mềm mà giảng viên có thể dễ dàng sử dụng để tạo ra các BĐTD theo ý mình. Tuy nhiên, BĐTD là một công cụ còn mới mẻ tại Việt Nam, do đó quá trình đưa BĐTD vào tiếp cận với các giảng viên còn rất hạn chế. Từ việc tìm hiểu các cơ sở lí luận về BĐTD, thấy được những hiệu quả của BĐTD từ các kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi đưa ra những kiến nghị như sau:

- Các giảng viên dạy học học phần Tâm lí học đại cương cho các khoa không chuyên có thể sử dụng các BĐTD mà người nghiên cứu đã thiết kế (các BĐTD này được lưu thành đĩa) hoặc từ các BĐTD mà người nghiên cứu đã thiết kế để cải biến theo tư duy của bản thân để đưa vào giảng dạy trong các học kì sau nhằm nâng cao khả năng nhận thức bài học của SV.

- Mở một lớp tập huấn về cách thiết kế và sử dụng BĐTD cho giảng viên tại Trường ĐHSP TPHCM. Lớp tập huấn này phải do những chuyên gia thật sự am hiểu về BĐTD giảng dạy. Việc làm này không chỉ cung cấp cho giảng viên kiến thức, kĩ năng sử dụng BĐTD mà còn có tác dụng định hướng cho nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác về BĐTD trong tất cả các ngành học tại trường. Cần có nhiều đề tài theo các cách tiếp cận khác nhau về BĐTD (như là một phương pháp ghi chép của SV, một cách ghi chú của giảng viên...) chứ không chỉ giới hạn như một cách thức trình diễn nội dung bài học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tony Buzan (2007), *Bản đồ tư duy trong công việc*, New Thinking Group dịch, Nxb Lao động xã hội.
2. Tony Buzan, Barry Buzan (2010), *Sơ đồ tư duy - The mind map book*, Lê Huy Lâm dịch, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Tony Buzan (2010), *Lập Sơ đồ tư duy - Kích hoạt óc sáng tạo để thay đổi cuộc đời bạn*, Lê Huy Lâm dịch, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Joyce Wyoff (2010), *Ứng dụng Bản đồ tư duy để khám phá tính sáng tạo và giải quyết vấn đề*, Thanh Vân - Việt Hà dịch, Nxb Lao động xã hội.
5. Lê Trung Chính, Đoàn Văn Điều, Võ Văn Nam, Ngô Đình Qua, Lý Minh Tiên (2004), *Tài liệu học tập học phần Đo lường và đánh giá kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Tâm lý học sáng tạo*, Nxb Giáo dục.
7. Huỳnh Văn Sơn, Lê Thị Hân (chủ biên) (2011), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 29-10-2013; ngày phản biện đánh giá: 30-11-2013;
ngày chấp nhận đăng: 20-3-2015)